

薬師峠キャンプ場（通称太郎平キャンプ場）誓約書

西暦 年 月 日

私は、以下の事項を遵守することを誓います。

誓約者：[氏名] _____

住 所：[住所] _____

- ① 当キャンプ場はクマの生息地に位置しています。安全対策のため、チラシ「北アルプスにはツキノワグマが暮らしています」を読みます。
- ② 自己都合で利用を取り止める場合は、既に支払った利用料の返金は請求しません。
- ③ 運営者に施設の利用を中止された場合は、速やかに撤収退場します。
- ④ 施設利用時の事故・盗難に関しましては、運営者は一切その責任は負いません。
- ⑤ 食事以外の時間は食料・ゴミ・食べ残しは食料庫に置き、テントの中、外には置きません。
- ⑥ テントは、電気柵で囲まれた中に張ります。
- ⑦ マナーとモラルを遵守し、他の利用者の迷惑となる行為は行いません。
- ⑧ キャンプ場内での喫煙、歩行喫煙は行いません。
- ⑨ キャンプ場の利用にかかわる一切の事項については、運営者の指示に従います。

Yakushitoge Camping Ground (Tarodaira Camping Ground) Pledge

Date (YYYY/MM/DD)

I pledge to comply with the following.

Pledge Signer: [Name] _____

Address: [Address] _____

- ⑩ This campground is located in a natural bear habitat. In order to stay safe, I will read the “Bears in the Northern Alps: Safety Tips for Hiking in Bear Country” information pamphlet.
- ⑪ If I cancel my use of the campground for personal reasons, I will not be eligible for a refund of any of the fees that I have already paid.
- ⑫ If I am asked to stop using the camping ground by the manager, I will immediately pack up and leave.
- ⑬ The manager assumes no liability whatsoever for accidents or theft that may occur while using the camping ground.
- ⑭ When I am not eating, I will store all food, trash, and leftovers in the food storage pantry and will not leave any of these items inside or outside my tent.
- ⑮ The tent will be set up inside an area surrounded by an electric fence.
- ⑯ I will observe proper behavior, follow the rules, and not engage in any behavior that bothers other camping ground users.
- ⑰ I will not smoke within the camping ground or on any paths.
- ⑱ I will follow the camping ground manager’s instructions on all matters regarding camping ground usage.

药师峠露营地（通称太郎平露营地）安全承诺书

公历 年 月 日

本人承诺在营地停留期间，将严格遵守以下所有条款。

承诺人：（姓名） _____

住址：（住址） _____

- ① 露营地位于黑熊的栖息地内。为了做好安全防范，本人会在入营前认真阅读《北阿尔卑斯山栖息着黑熊》宣传单。
- ② 因个人原因取消行程，本人已知悉并同意已支付的营地费用不予退还。
- ③ 因特殊天气、安全隐患或自身违规被管理人员要求离场，本人会迅速拆收帐篷 并配合撤离。
- ④ 露营地期间，如发生任何人身意外事故或财产盗窃事件，运营方概不承担任何责任。
- ⑤ 用餐时间，所有食物、垃圾及剩饭剩菜必须存放在指定的食物储藏库内，绝不将其留置在帐篷内外。
- ⑥ 帐篷将搭建在电围栏围起来的区域内。
- ⑦ 本人将自觉遵守公共道德与露营礼仪，绝不做出任何干扰或影响他人休息的举动。
- ⑧ 本露营地内全面禁烟，本人承诺不在营区内吸烟，亦不边走边吸烟。
- ⑨ 关于露营地使用的一切相关事宜，本人愿意服从运营方的指示与管理。

야쿠시고개 캠프장(통칭 다로다이라 캠프자) 서약서

서기 년 월 일

본인은 아래 사항을 준수할 것을 서약합니다.

서약자: [성명] _____

주 소: [주소] _____

- ① 본 캠프장은 곰 서식지에 위치하고 있습니다. 안전을 위해 ‘북알프스에는 반달가슴곰이 살고 있습니다’ 안내문을 읽겠습니다.
- ② 개인 사정으로 이용을 취소하는 경우, 이미 지불한 이용료의 환불을 청구하지 않겠습니다.
- ③ 운영자로부터 시설 이용 중지 지시를 받은 경우, 즉시 철수하여 퇴장하겠습니다.
- ④ 시설 이용 중 발생한 사고 및 도난에 대하여 운영자는 일체의 책임을 지지 않습니다.
- ⑤ 식사 시간 외에는 식량, 쓰레기 및 음식물 잔반을 식량 보관소에 보관하며, 텐트 안팎에 두지 않겠습니다.
- ⑥ 텐트는 전기 울타리로 둘러싸인 구역 안에 설치합니다.
- ⑦ 예절과 공중도덕을 준수하며, 다른 이용객에게 피해를 주는 행위를 하지 않겠습니다.
- ⑧ 캠프장 내에서는 흡연 및 보행 중 흡연을 하지 않겠습니다.
- ⑨ 캠프장 이용과 관련된 모든 사항에 대하여 운영자의 지시에 따르겠습니다.

Bản cam kết Khu cấm trại Yakushitoge (thường gọi là Khu cấm trại Tarodaira)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Tôi cam kết tuân thủ các điều khoản sau đây:

Người cam kết: [Họ và tên] _____

Địa chỉ: [Địa chỉ] _____

- ① Tôi hiểu rằng khu cấm trại này nằm trong khu vực sinh sống của gấu. Để bảo đảm an toàn, tôi sẽ đọc tờ hướng dẫn "Gấu đen Nhật Bản sinh sống tại dãy núi Bắc Alps".
- ② Nếu tôi tự ý hủy việc sử dụng khu cấm trại vì lý do cá nhân, tôi sẽ không yêu cầu hoàn lại khoản phí đã thanh toán.
- ③ Nếu ban quản lý yêu cầu ngừng sử dụng cơ sở, tôi sẽ nhanh chóng thu dọn và rời khỏi khu cấm trại.
- ④ Ban quản lý không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các sự cố hoặc mất cắp xảy ra trong quá trình sử dụng cơ sở.
- ⑤ Ngoài thời gian ăn uống, toàn bộ thực phẩm, rác thải và thức ăn thừa phải được cất trong kho chứa thực phẩm; không được để trong hoặc ngoài lều.
- ⑥ Lều sẽ được dựng bên trong khu vực được bao quanh bởi hàng rào điện.
- ⑦ Tôi sẽ tuân thủ các quy tắc ứng xử và đạo đức chung, không thực hiện các hành vi gây phiền hà cho những người sử dụng khác.
- ⑧ Tôi sẽ không hút thuốc trong khu cấm trại cũng như không vừa đi bộ vừa hút thuốc.
- ⑨ Tôi sẽ tuân theo mọi chỉ dẫn của ban quản lý liên quan đến việc sử dụng khu cấm trại.

TERMO DE COMPROMISSO
Camping Yakushidōge (conhecido como Camping Tarōdaira)

Data: __ (ano) __ / __ (mês) __ / __ (dia) __

Eu me comprometo a cumprir os itens abaixo.

Nome do declarante: _____

Endereço: _____

- ① Estou ciente de que este camping está localizado em uma área de habitat de ursos. Como medida de segurança, lerei o folheto “Os ursos-negros-asiáticos vivem nos Alpes do Norte”.
- ② Caso eu decida cancelar a utilização das instalações por motivos pessoais, não solicitarei reembolso das taxas já pagas.
- ③ Caso a administração determine a interrupção da utilização das instalações, retirarei meus pertences e deixarei o local imediatamente.
- ④ A administração não se responsabiliza por acidentes ou furtos ocorridos durante a utilização das instalações.
- ⑤ Exceto durante as refeições, alimentos, lixo e restos de comida serão armazenados no depósito de alimentos, não permanecendo dentro nem fora da barraca.
- ⑥ A barraca será montada dentro de uma área cercada por uma cerca elétrica.
- ⑦ Respeitarei as normas de convivência e de conduta, abstendo-me de qualquer comportamento que possa causar transtornos aos demais usuários.
- ⑧ Não fumarei dentro do camping nem praticarei o ato de fumar enquanto estiver caminhando pelo local.
- ⑨ Cumprirei todas as instruções fornecidas pela administração relacionadas à utilização do camping.

ОБЯЗАТЕЛЬСТВО ПОСЕТИТЕЛЯ

Кемпинг Якуситогэ (общепринятое название кемпинг Тародайра)

Дата: « » _____ 20 г.

Настоящим я, нижеподписавшийся(ая), подтверждаю и обязуюсь соблюдать все положения.

Ф.И.О.: _____

Адрес: _____

- ① Мне известно, что кемпинг расположен в районе естественного обитания медведей. В целях обеспечения собственной безопасности я обязуюсь ознакомиться с памяткой «В Северных Японских Альпах обитают гималайские медведи».
- ② В случае отказа от использования кемпинга по личным причинам я не буду требовать возврата уже уплаченной суммы за пользование объектом.
- ③ Если администрация потребует прекратить использование кемпинга, я обязуюсь незамедлительно собрать свои вещи и покинуть территорию.
- ④ Администрация кемпинга не несет ответственности за несчастные случаи, безопасность имущества, кражи и иные происшествия, произошедшие во время пребывания на территории кемпинга.
- ⑤ Вне времени приема пищи обязуюсь хранить все продукты питания, мусор и пищевые отходы исключительно в установленном месте хранения и не оставлять их ни внутри палатки, ни рядом с ней.
- ⑥ Палатка устанавливается внутри участка, окружённого электрическим забором.
- ⑦ Обязуюсь соблюдать правила поведения, нормы общественного порядка и не совершать действий, которые могут причинить неудобства другим посетителям.
- ⑧ Обязуюсь не курить на территории кемпинга, а также во время передвижения по его территории.
- ⑨ Обязуюсь выполнять все указания и распоряжения администрации, связанные с использованием кемпинга.

薬師峠（やくしとうげ）キャンプ場（じょう）
（通称太郎平（つうしょうたろうだいら）キャンプ場（じょう））誓約書（せいやくしょ）

西暦（せいいき） 年（ねん） 月（つき） 日（ひ）

わたしは、下（した）のルール（るーる）をまもることを約束（やくそく）します。

名前（なまえ）： _____

住所（じゅうしょ）： _____

- ① ここはクマがすむ場所（ばしょ）です。安全（あんぜん）のチラシ「北アルプス（あるぷす）にはツキノワグマ（つきのわぐま）がいます」を読（よ）みます。
- ② お客（きやく）さまの都合（つごう）でキャンプ（きゃんぷ）をやめるとき、お金（かね）は返（かえ）しません。
- ③ スタッフ（すたっふ）が「やめてください」と言（い）ったら、すぐに片（かた）づけて出（で）ていきます。
- ④ けがをしたり物（もの）を盗（ぬす）まれたりしても、スタッフ（すたっふ）やキャンプ場（きゃんぷじょう）は責任（せきにん）をもちません。
- ⑤ ごはんの時間以外（じかんいがい）、食べ物（たべもの）とごみはぜんぶ食料庫（しょくりょうこ）に入（い）れます。テント（てんと）の中（なか）や外（そと）に置（お）きません。
- ⑥ テント（てんと）は、電気柵（でんきさく）で囲（かこ）まれた中（なか）に張（は）ります。
- ⑦ マナー（まな一）を守（まも）り、ほかの人（ひと）の迷惑（めいわく）になることはしません。
- ⑧ キャンプ場（きゃんぷじょう）ではたばこを吸（す）いません。歩（ある）きたばこもしません。
- ⑨ スタッフ（すたっふ）の指示（しじ）に必（かなら）ず 従（したが）います。